

*Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2015*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;*

*Căn cứ Nghị quyết số 101/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về chuyển đơn vị SNCL thành công ty cổ phần.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Quyết định này quy định về việc chuyển đơn vị SNCL trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thành công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là đơn vị SNCL).

b) Trường hợp tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước khi cổ phần hóa tiếp tục kế thừa các đơn vị SNCL thì việc chuyển các đơn vị này thành công ty cổ phần được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và Nghị định số 189/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

**2. Đối tượng áp dụng**

Các đơn vị SNCL trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước có đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Quyết định này.

Đối với các đơn vị SNCL hoạt động trong các lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo thì đẩy mạnh hoạt động theo cơ chế tự chủ, tiến tới tự chủ hoàn toàn, hạch toán như doanh nghiệp. Khuyến khích liên kết hợp tác trên cơ sở bảo toàn tài sản và mục đích cung cấp dịch vụ công. Thí điểm cho thuê quản lý, thuê cơ sở vật chất, thí điểm cổ phần hóa trên nguyên tắc bảo đảm tiếp tục cung cấp dịch vụ công với chất lượng tốt hơn.

## **Điều 2. Điều kiện, trình tự và thủ tục chuyển đơn vị SNCL thành công ty cổ phần**

1. Các đơn vị SNCL quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định này thực hiện chuyển thành công ty cổ phần khi bảo đảm đủ các điều kiện

a) Tự đảm bảo được toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên trong năm gần nhất với thời điểm thực hiện chuyển đổi hoặc có khả năng tự bảo đảm được toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên sau khi chuyển đổi.

b) Thuộc danh mục chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Trình tự, thủ tục và các nội dung liên quan đến việc chuyển đơn vị SNCL thành công ty cổ phần được thực hiện theo quy định tại Quyết định này; những nội dung không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, Nghị định số 189/2013/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn hiện hành về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

## **Điều 3. Hình thức chuyển đổi và phương thức bán cổ phần lần đầu**

1. Hình thức chuyển đổi

a) Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại đơn vị SNCL, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

b) Bán một phần vốn nhà nước hiện có.

c) Kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

2. Phương thức bán cổ phần lần đầu: Bán đấu giá công khai, bảo lãnh phát hành và thỏa thuận trực tiếp.

## **Điều 4. Đối tượng và điều kiện mua cổ phần**

1. Nhà đầu tư trong nước

a) Nhà đầu tư trong nước là cá nhân người Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam (trừ các trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này).

b) Nhà đầu tư trong nước được quyền mua cổ phần của đơn vị SNCL thực hiện chuyển đổi với số lượng không hạn chế, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.

2. Nhà đầu tư nước ngoài

a) Nhà đầu tư nước ngoài bao gồm các tổ chức và cá nhân nước ngoài được quy định tại Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong từng thời kỳ.

b) Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của đơn vị SNCL thực hiện chuyển đổi theo quy định tại Quyết định này. Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa và chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước.

c) Nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu mua cổ phần phải mở tài khoản tiền gửi tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo quy định của pháp luật Việt Nam về ngoại hối.

### 3. Nhà đầu tư chiến lược

a) Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính, chuyển giao công nghệ mới, đào tạo nguồn nhân lực, có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với đơn vị.

b) Căn cứ vào quy mô vốn điều lệ, lĩnh vực hoạt động và yêu cầu mở rộng phát triển của đơn vị, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa đơn vị SNCL xây dựng tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược trình cơ quan quyết định cổ phần hóa phê duyệt. Số lượng nhà đầu tư chiến lược được xác định tối đa là 03 nhà đầu tư. Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm kể từ ngày đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu; trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Trường hợp nhà đầu tư chiến lược không thực hiện đúng cam kết, vi phạm hạn chế chuyển nhượng theo quy định thì phải bồi thường mọi tổn thất xảy ra theo đúng hợp đồng cam kết và quy định của pháp luật hiện hành.

c) Nguyên tắc xác định giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược:

- Đối với trường hợp bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược sau khi đấu giá công khai thì giá bán do Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận trực tiếp với các nhà đầu tư chiến lược nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất.

- Đối với trường hợp thỏa thuận trực tiếp hoặc đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược có đủ tiêu chuẩn và đã thực hiện đăng ký mua trước khi thực hiện đấu giá công khai thì giá bán là giá thỏa thuận giữa các bên hoặc là giá đấu thành công nhưng không thấp hơn giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án chuyển đổi phê duyệt.

4. Thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa (trừ các thành viên là đại diện của các đơn vị SNCL), các tổ chức tài chính trung gian, các cá nhân trực tiếp tư vấn, định giá, đấu giá bán cổ phần của đơn vị SNCL không được tham gia đấu giá mua cổ phần phát hành lần đầu của đơn vị đó.

## **Điều 5. Tư vấn cổ phần hóa và chi phí chuyển đổi đơn vị SNCL thành công ty cổ phần**

### 1. Tư vấn cổ phần hóa

Đơn vị SNCL được thuê tổ chức tư vấn để xác định giá trị đơn vị khi thực hiện chuyển đổi, xây dựng phương án chuyển đổi và bán cổ phần lần đầu. Cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án chuyển đổi lựa chọn tổ chức tư vấn cổ phần hóa theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Chi phí thuê tư vấn chuyển đổi được tính vào chi phí cổ phần hóa.

### 2. Chi phí chuyển đổi

Chi phí thực hiện chuyển đơn vị SNCL thành công ty cổ phần thực hiện như quy định đối với việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

## **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị SNCL sau khi chuyển thành công ty cổ phần**

1. Sau khi chuyển thành công ty cổ phần, đơn vị hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các Luật chuyên ngành và các quy định của pháp luật hiện hành; được tiếp

tục thực hiện việc cung cấp các loại dịch vụ công cho xã hội. Được tự quyết định thu giá dịch vụ trên cơ sở khung giá tính đủ các chi phí hợp lý, đúng pháp luật do cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Khi thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần, đơn vị có trách nhiệm sắp xếp, sử dụng tối đa số lao động tại thời điểm quyết định chuyển đổi và phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết chế độ nghỉ việc, thôi việc cho người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và các quyền lợi khác theo quy định hiện hành; kế thừa mọi trách nhiệm đối với người lao động từ đơn vị SNCL chuyển sang; có quyền tuyển chọn, bố trí sử dụng lao động.

3. Đơn vị SNCL sau khi chuyển thành công ty cổ phần tiếp tục kế thừa các nghĩa vụ tài chính và nghĩa vụ khác đã bàn giao từ đơn vị SNCL sang công ty cổ phần; có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc thu hồi nợ phải thu và thực hiện nghĩa vụ trả nợ; được sử dụng toàn bộ tài sản, nguồn vốn nhận bàn giao để tổ chức kinh doanh có hiệu quả.

4. Đơn vị SNCL có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xử lý những vấn đề về tài chính để xác định giá trị phần vốn nhà nước của đơn vị tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

## **Chương II**

### **XỬ LÝ TÀI CHÍNH TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ ĐƠN VỊ SNCL CHUYỂN ĐỔI**

#### **Điều 7. Kiểm kê, phân loại tài sản**

1. Khi nhận được quyết định thực hiện chuyển đổi của cơ quan có thẩm quyền, công ty mẹ tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thực hiện bàn giao cho đơn vị SNCL (đối với đơn vị hạch toán phụ thuộc công ty mẹ) tài sản, vốn, quyền sử dụng đất, các quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm gắn với hoạt động của đơn vị.

2. Đơn vị SNCL có trách nhiệm lập lại báo cáo tài chính và thực hiện kiểm toán tại thời điểm xác định giá trị đơn vị, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đơn vị SNCL tổ chức kiểm kê, phân loại tài sản đang quản lý, sử dụng; lập bảng kê xác định số lượng, chất lượng và giá trị của tài sản hiện có do mình đang quản lý và sử dụng (bao gồm cả các tài sản là quyền sử dụng đất, bằng phát minh, sáng chế, công trình nghiên cứu khoa học...); kiểm quỹ tiền mặt, đối chiếu số dư tiền gửi ngân hàng; xác định tài sản thừa, thiếu so với sổ kế toán.

4. Đối chiếu, xác nhận và phân loại các khoản công nợ: Đơn vị SNCL thực hiện đối chiếu, xác nhận, phân loại các khoản công nợ; lập bảng kê chi tiết đối với từng khách nợ, chủ nợ theo quy định sau:

#### **a) Nợ phải thu:**

- Đối chiếu, xác nhận toàn bộ các khoản nợ phải thu (bao gồm các khoản nợ đến hạn, chưa đến hạn và đã quá hạn thanh toán).

- Phân tích rõ các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi. Các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi phải có đủ tài liệu chứng minh là không thu hồi được.

- Đối với các khoản đã trả trước cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ như tiền thuê nhà, tiền thuê đất, tiền mua hàng, tiền công phải đối chiếu với hợp đồng, khối lượng hàng hóa dịch vụ cung cấp để tính vào giá trị đơn vị SNCL chuyển đổi.

b) Nợ phải trả bao gồm các khoản nợ vay, nợ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước: Căn cứ hợp đồng, giấy báo nợ, đối chiếu lập bảng kê các khoản nợ vay theo từng chủ nợ; xác định các khoản nợ thuế và khoản phải nộp ngân sách nhà nước khác; phân tích cụ thể các khoản nợ vay theo hợp đồng, các khoản vay trong hạn, vay chưa đến hạn trả, vay đã quá hạn thanh toán, khoản nợ gốc, nợ lãi chưa trả, khoản nợ phải trả nhưng không phải trả.

Các khoản nợ phải trả nhưng không phải trả được xác định theo quy định hiện hành của Nhà nước.

## **Điều 8. Xử lý tài chính**

Trên cơ sở kết quả kiểm kê, báo cáo tài chính đã được kiểm toán và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị phối hợp với các cơ quan có liên quan xử lý tồn tại về tài chính theo quy định của pháp luật trước khi xác định giá trị đơn vị SNCL và giá trị phần vốn nhà nước tại đơn vị. Trường hợp có vướng mắc hoặc vượt quá thẩm quyền thì báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để xem xét, giải quyết.

Tài sản và khoản công nợ được xử lý theo nguyên tắc sau:

1. Đối với tài sản hao hụt, mất mát: Đơn vị xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của cá nhân, tập thể và yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật. Phần chênh lệch (nếu có) giữa giá trị còn lại của tài sản và mức bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan được hạch toán vào chi phí hoạt động của đơn vị.

2. Tài sản thừa, nếu không xác định được nguyên nhân hoặc không tìm được chủ sở hữu thì xử lý tăng giá trị thực tế phần vốn nhà nước.

3. Đối với tài sản không có nhu cầu sử dụng, tài sản ứ đọng chưa thanh lý, đơn vị thành lập Hội đồng để làm các thủ tục thanh lý, nhượng bán theo quy định. Việc thanh lý, nhượng bán tài sản được thực hiện thông qua phương thức đấu giá công khai theo quy định hiện hành của Nhà nước. Các khoản thu và chi phí cho hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản được hạch toán vào thu nhập và chi phí của đơn vị. Trường hợp đến thời điểm xác định giá trị đơn vị SNCL mà chưa kịp xử lý thì cơ quan có thẩm quyền công bố giá trị đơn vị xem xét, quyết định loại trừ không tính vào giá trị đơn vị và thực hiện chuyển giao cho công ty mẹ tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước hoặc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam xử lý theo quy định.

4. Đối với công trình phúc lợi (nhà trẻ, nhà mẫu giáo, các tài sản phúc lợi khác) đầu tư bằng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi thì không tính vào giá trị đơn vị SNCL; công ty cổ phần tiếp tục kế thừa quản lý và sử dụng để phục vụ mục đích phúc lợi cho người lao động. Đối với diện tích nhà, đất đã bố trí làm nhà ở cho cán bộ, nhân viên nếu có đủ điều kiện theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn Luật Đất đai thì đơn vị làm thủ tục chuyển giao cho cơ quan nhà, đất của địa phương để quản lý theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Tài sản dùng cho hoạt động của đơn vị đầu tư bằng nguồn quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được tính vào giá trị đơn vị SNCL và công ty cổ phần tiếp tục sử dụng. Công ty cổ phần có trách nhiệm hoàn trả phần vốn tương ứng với giá trị tài sản này vào quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi để chia cho người lao động đang làm việc tại thời điểm xác định giá trị đơn vị theo số năm công tác.

6. Số dư bằng tiền của quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, sau khi bù đắp các khoản đã chi vượt quá chế độ cho người lao động, được chia cho người lao động làm việc ở đơn vị tại thời điểm xác định giá trị đơn vị theo số năm công tác.

7. Đối với các khoản nợ phải thu, nợ phải trả

a) Các khoản nợ phải thu nhưng không thu hồi được thì xử lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về xử lý nợ phải thu khó đòi.

b) Các khoản nợ phải trả mà không phải trả thì hạch toán tăng vốn nhà nước tại đơn vị.

8. Đối với khoản kinh phí ngân sách nhà nước hoặc công ty mẹ tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước cấp

a) Để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị được cấp có thẩm quyền phê duyệt đang thực hiện dở dang hoặc chưa thực hiện: Đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, đơn vị sự nghiệp tiếp tục được ngân sách nhà nước hoặc công ty mẹ tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước cấp để thực hiện. Khoản kinh phí này sẽ được ghi tăng giá trị phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần; công ty cổ phần có trách nhiệm điều chỉnh vốn điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức, chương trình mục tiêu quốc gia: Đơn vị sự nghiệp thực hiện đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Kinh phí còn lại hoặc không sử dụng hết phải nộp vào ngân sách nhà nước hoặc nộp về công ty mẹ tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước. Khoản kinh phí do ngân sách nhà nước cấp sẽ được quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách.

9. Đối với đơn vị SNCL có nguồn thu từ quỹ dự phòng ổn định thu nhập đến thời điểm đơn vị chuyển thành công ty cổ phần mà vẫn chưa sử dụng hết thì khoản tiền này được chia cho người lao động làm việc ở đơn vị tại thời điểm xác định giá trị đơn vị SNCL theo số năm công tác.

### **Chương III**

## **XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ ĐƠN VỊ SNCL CHUYỂN ĐỔI**

### **Điều 9. Tư vấn xác định giá trị**

1. Đơn vị SNCL có tổng giá trị tài sản theo sổ sách kế toán từ 30 tỷ đồng trở lên hoặc giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách kế toán từ 10 tỷ đồng trở lên phải thuê các tổ chức có chức năng định giá như các công ty kiểm toán, công ty chứng khoán, doanh nghiệp thẩm định giá trong nước và ngoài nước (sau đây gọi tắt là tổ chức tư vấn định giá) thực hiện tư vấn xác định giá trị đơn vị.

2. Trường hợp không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này, đơn vị tự xác định giá trị và báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định. Trường hợp cần thiết, đơn vị có thể thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá thực hiện tư vấn xác định giá trị.

3. Cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án chuyển đổi lựa chọn tổ chức tư vấn định giá theo nguyên tắc

a) Đối với các gói thầu tư vấn định giá có giá trị không quá 03 tỷ đồng thì cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án chuyển đổi có thể lựa chọn hình thức chỉ định thầu để lựa chọn tổ chức tư vấn định giá trong danh sách do Bộ Tài chính công bố sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trường hợp xét thấy cần phải tổ chức đấu thầu thì thực hiện đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

b) Đối với các gói thầu tư vấn không thuộc quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án chuyển đổi quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị thực hiện tư vấn định giá theo quy định.

4. Tổ chức tư vấn định giá thực hiện xác định giá trị đơn vị SNCL chuyển đổi theo quy định tại Quyết định này và phải hoàn thành theo đúng thời hạn, đúng các cam kết trong hợp đồng đã ký. Đơn vị SNCL thực hiện chuyển đổi có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin liên quan để tổ chức tư vấn định giá sử dụng trong quá trình định giá.

Tổ chức tư vấn định giá chịu trách nhiệm về kết quả xác định giá trị đơn vị SNCL thực hiện chuyển đổi. Trường hợp kết quả xác định giá trị không bảo đảm đúng quy định của pháp luật thì cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án được từ chối không thanh toán phí thực hiện dịch vụ; nếu gây thiệt hại cho Nhà nước thì phải bồi thường và bị loại ra khỏi danh sách của các tổ chức đủ điều kiện tham gia tư vấn định giá.

#### 5. Chi phí tư vấn định giá

Chi phí tư vấn định giá do đơn vị SNCL thực hiện chuyển đổi và tổ chức tư vấn thỏa thuận theo kết quả đấu thầu. Trường hợp không đấu thầu, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thương thảo với tổ chức tư vấn định giá về chi phí và trình cơ quan quyết định phương án chuyển đổi phê duyệt.

### **Điều 10. Phương pháp áp dụng và căn cứ xác định giá trị đơn vị SNCL**

Phương pháp xác định giá trị đối với đơn vị SNCL chuyển đổi thành công ty cổ phần là phương pháp tài sản. Căn cứ để xác định giá trị gồm:

- Quyết định và biên bản bàn giao tài sản của công ty mẹ tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước cho đơn vị SNCL thực hiện chuyển đổi (nếu có), báo cáo tài chính, số liệu theo sổ kế toán của đơn vị tại thời điểm xác định giá trị.

- Tài liệu kiểm kê, phân loại và đánh giá chất lượng tài sản của đơn vị tại thời điểm xác định giá trị.

- Giá thị trường của tài sản tại thời điểm tổ chức định giá.

- Giá trị quyền sử dụng đất được giao, trị giá tiền thuê đất xác định lại trong trường hợp đã trả tiền một lần cho cả thời hạn thuê đất.

### **Điều 11. Xác định giá trị thực tế các loại tài sản của đơn vị SNCL chuyển thành công ty cổ phần**

#### 1. Đối với tài sản là hiện vật

a) Giá trị thực tế của tài sản bằng (=) Nguyên giá tính theo giá thị trường tại thời điểm tổ chức định giá nhân (x) Chất lượng còn lại của tài sản tại thời điểm định giá.

Trong đó:

- Giá thị trường là:

- + Giá tài sản mới cùng loại đang mua, bán trên thị trường bao gồm cả chi phí vận chuyển lắp đặt (nếu có). Nếu là tài sản đặc thù không có trên thị trường thì giá mua tài sản được tính theo giá mua mới của tài sản tương đương, cùng nước sản xuất, có cùng công suất hoặc tính năng tương đương. Trường hợp không có tài sản tương đương thì tính theo giá tài sản ghi trên sổ kế toán.

- + Đơn giá xây dựng cơ bản, suất đầu tư do cơ quan có thẩm quyền quy định tại thời điểm gần nhất với thời điểm định giá đối với tài sản là sản phẩm xây dựng cơ bản. Trường hợp chưa có quy định thì tính theo giá sổ sách, có xét thêm yếu tố trượt giá trong xây dựng cơ bản.

Riêng đối với các công trình mới hoàn thành đầu tư xây dựng trong 03 năm trước khi xác định giá trị thì sử dụng giá trị quyết toán công trình đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp cá biệt, công trình chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng đã đưa vào sử dụng thì tạm tính theo giá ghi trên sổ kế toán.

- Chất lượng của tài sản được xác định bằng tỷ lệ phần trăm so với chất lượng của tài sản cùng loại mua sắm mới hoặc đầu tư xây dựng mới, phù hợp với các quy định của Nhà nước về điều kiện an toàn trong sử dụng, vận hành tài sản; đảm bảo chất lượng sản phẩm sản xuất, vệ sinh môi trường theo hướng dẫn của các Bộ quản lý ngành kinh tế kỹ thuật. Nếu chưa có quy định của Nhà nước thì chất lượng tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải được đánh giá lại không thấp hơn 20% so với chất lượng của tài sản cùng loại mua sắm mới; của nhà xưởng, vật kiến trúc không thấp hơn 30% so với chất lượng của tài sản cùng loại đầu tư xây dựng mới.

b) Tài sản cố định đã khấu hao thu hồi đủ vốn; công cụ lao động, dụng cụ quản lý đã phân bổ hết giá trị vào chi phí kinh doanh nhưng đơn vị SNCL thực hiện chuyển đổi tiếp tục sử dụng thì phải đánh giá lại để tính vào giá trị theo nguyên tắc không thấp hơn 20% giá trị tài sản, công cụ, dụng cụ mua mới.

2. Đối với tài sản bằng tiền mặt, tiền gửi được xác định như sau

a) Tiền mặt được xác định theo biên bản kiểm quỹ.

b) Tiền gửi được xác định theo sổ dư đã đối chiếu xác nhận với ngân hàng nơi đơn vị mở tài khoản.

3. Các khoản nợ phải thu tính vào giá trị được xác định theo sổ dư thực tế trên sổ kế toán và sau khi đối chiếu xử lý như quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 7 Quyết định này.

4. Các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản, chi phí dở dang liên quan đến đền bù, giải tỏa, san lấp mặt bằng và giá trị quyền sử dụng đất được xác định theo thực tế phát sinh hạch toán trên sổ kế toán.

5. Giá trị tài sản ký cược, ký quỹ ngắn hạn và dài hạn xác định theo sổ dư thực tế trên sổ kế toán đã được đối chiếu xác nhận.

6. Giá trị tài sản vô hình (nếu có) được xác định theo giá trị còn lại đang hạch toán trên sổ kế toán.

7. Giá trị lợi thế kinh doanh

Các đơn vị SNCL không phải tính giá trị lợi thế kinh doanh (thương hiệu, tiềm năng phát triển) vào giá trị khi thực hiện chuyển đổi.

8. Giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị đơn vị SNCL chuyển đổi được thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 189/2013/NĐ-CP của Chính phủ và văn bản hướng dẫn có liên quan.

## **Điều 12. Giá trị thực tế vốn nhà nước tại đơn vị SNCL chuyển đổi thành công ty cổ phần**

1. Giá trị thực tế vốn nhà nước tại đơn vị bằng giá trị thực tế của đơn vị trừ (-) các khoản nợ thực tế phải trả, quỹ dự phòng ổn định thu nhập và số dư nguồn kinh phí sự nghiệp (nếu có). Trong đó, nợ thực tế phải trả là tổng giá trị các khoản nợ phải trả trừ (-) các khoản nợ không phải thanh toán.

2. Giá trị thực tế của đơn vị SNCL chuyển đổi là giá trị của toàn bộ tài sản hiện có được xác định theo quy định tại Điều 11 Quyết định này.



### **Điều 13. Công bố giá trị đơn vị SNCL chuyển đổi**

Căn cứ hồ sơ xác định giá trị đơn vị SNCL do tổ chức tư vấn định giá xây dựng (hoặc do đơn vị tư xây dựng), Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thẩm tra về trình tự, thủ tục và cách xác định giá trị đơn vị SNCL chuyển đổi theo quy định, báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 22 Quyết định này ra quyết định công bố giá trị đơn vị SNCL.

Thời điểm công bố giá trị đơn vị chuyển đổi đảm bảo cách thời điểm xác định giá trị tối đa không quá 6 tháng. Trường hợp quá thời hạn trên chưa công bố được giá trị của đơn vị, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định kéo dài thời gian công bố giá trị nhưng phải đảm bảo nguyên tắc việc công bố giá trị và việc tổ chức bán cổ phần lần đầu của đơn vị SNCL chuyển đổi cách thời điểm xác định giá trị không quá 12 tháng, trừ các trường hợp đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

### **Điều 14. Điều chỉnh giá trị đơn vị SNCL**

1. Đơn vị SNCL thực hiện chuyển đổi được điều chỉnh giá trị doanh nghiệp đã công bố trong trường hợp sau đây

a) Có nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch họa, chính sách nhà nước thay đổi hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng khác) làm ảnh hưởng đến giá trị những tài sản của đơn vị.

b) Sau 18 tháng kể từ thời điểm xác định giá trị mà đơn vị SNCL chưa thực hiện việc bán cổ phần, ngoại trừ các trường hợp đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Quy định tại Khoản 1 Điều này chỉ áp dụng trong trường hợp đơn vị SNCL chuyển đổi chưa thực hiện bán cổ phần.

3. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, quyết định điều chỉnh và công bố lại giá trị đơn vị SNCL chuyển đổi. Quyết định điều chỉnh giá trị đơn vị SNCL là căn cứ để xây dựng phương án chuyển đổi.

### **Điều 15. Xử lý tài chính tại thời điểm đơn vị SNCL chính thức chuyển thành công ty cổ phần**

1. Căn cứ quyết định công bố giá trị đơn vị SNCL của cơ quan có thẩm quyền, đơn vị có trách nhiệm điều chỉnh số liệu trong sổ sách kế toán.

2. Trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị đơn vị SNCL đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, đơn vị tiếp tục xử lý các tồn tại về tài chính theo quy định hiện hành và lập báo cáo tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, trong đó:

a) Đối với đầu tư tài sản cố định, đầu tư xây dựng công trình còn dở dang khi xác định giá trị đơn vị SNCL nhưng đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần hoàn thành đầu tư và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nếu có chênh lệch so với thời điểm xác định giá trị đơn vị SNCL thì được điều chỉnh theo quyết toán đã được phê duyệt.

b) Mức trích khấu hao tài sản cố định là mức đăng ký với cơ quan thuế trước khi thực hiện xác định giá trị đơn vị SNCL.

c) Chênh lệch thu chi được xử lý theo quy định hiện hành của Nhà nước đối với đơn vị SNCL.

3. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa chỉ đạo tổ giúp việc và đơn vị SNCL hoàn thành việc lập báo cáo tài chính tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận, thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính; đề nghị cơ quan thuế ưu tiên kiểm tra quyết toán thuế và các khoản phải nộp ngân sách (nếu có); xác định lại giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần; lập các báo cáo quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ cho người lao động dôi dư, chi phí cổ phần hóa.

Trường hợp thời điểm xác định giá trị đơn vị SNCL là năm trước, thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần là năm sau thì chỉ lập một báo cáo tài chính của cả thời kỳ, không tách riêng hai báo cáo ở thời điểm ngày 31 tháng 12 và ở thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Báo cáo tài chính phải gửi các cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về chế độ kế toán.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, các hồ sơ quyết toán quá trình chuyển đổi (gồm tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ cho người lao động dôi dư, chi phí chuyển đổi) và tài liệu có liên quan của đơn vị được gửi đến cơ quan quyết định chuyển đổi và cơ quan liên quan để phối hợp kiểm tra, xử lý các tồn tại về tài chính và thực hiện phê duyệt báo cáo tài chính, phê duyệt quyết toán quá trình chuyển đổi.

4. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo tài chính đã được kiểm toán, báo cáo quyết toán thuế (nếu có) của đơn vị SNCL, cơ quan quyết định chuyển đổi có trách nhiệm phối hợp với cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra, xử lý các tồn tại tài chính và ban hành quyết định phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán số tiền thu từ chuyển đổi, quyết toán chi phí chuyển đổi, quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người lao động dôi dư và quyết định công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm đơn vị SNCL chính thức chuyển thành công ty cổ phần để làm căn cứ bàn giao giữa đơn vị SNCL và công ty cổ phần.

5. Khoản chênh lệch tăng giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần với giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị đơn vị SNCL để chuyển đổi được nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại công ty mẹ tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước hoặc Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (đối với đơn vị trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Trường hợp công ty mẹ tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước đã chuyển thành công ty cổ phần thì khoản chênh lệch này sẽ được nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

Trường hợp phát sinh chênh lệch giảm thì đơn vị có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền để phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, làm rõ nguyên nhân, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân và xử lý như sau:

a) Nếu do nguyên nhân khách quan (do thiên tai, dịch họa, do Nhà nước thay đổi chính sách hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác) đơn vị báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển đổi xem xét, quyết định việc sử dụng tiền thu từ bán cổ phần để bù đắp tổn thất sau khi trừ đi bồi thường của bảo hiểm (nếu có). Trường hợp tiền thu từ bán cổ phần không đủ bù đắp thì cơ quan có thẩm quyền xem xét thông qua Đại hội đồng cổ đông để điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ của đơn vị.

b) Nếu do nguyên nhân chủ quan:

- Trường hợp phát sinh chênh lệch giảm do không xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành khi xác định giá trị phần vốn nhà nước tại

đơn vị thì phải xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan có liên quan (đơn vị, cơ quan tư vấn định giá và cơ quan quyết định xác định giá trị đơn vị sự nghiệp chuyển đổi) để xử lý bồi thường vật chất.

- Trường hợp phát sinh chênh lệch giảm do điều hành thì các cán bộ quản lý của đơn vị đó có trách nhiệm bồi thường toàn bộ tổn thất do chủ quan gây ra theo quy định hiện hành.

- Trường hợp vì lý do bất khả kháng mà người có trách nhiệm bồi thường không có khả năng thực hiện việc bồi thường theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì phần tổn thất còn lại được xử lý như trường hợp do nguyên nhân khách quan theo quy định tại Điểm a Khoản này.

## **Điều 16. Bàn giao giữa đơn vị SNCL thực hiện chuyển đổi và công ty cổ phần**

Căn cứ quyết định phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa, quyết toán chi phí cổ phần hóa, quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người lao động dôi dư và quyết định công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm đơn vị SNCL chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa chỉ đạo đơn vị điều chỉnh sổ sách kế toán, lập hồ sơ bàn giao và tổ chức bàn giao; thời gian hoàn thành bàn giao không quá 30 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt quyết toán tài chính tại thời điểm đơn vị chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

Công ty cổ phần được sử dụng toàn bộ tài sản, nguồn vốn đã nhận bàn giao để tổ chức hoạt động; kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của đơn vị SNCL đã bàn giao và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Các nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị SNCL được xác định bổ sung sau khi đã quyết toán, bàn giao cho công ty cổ phần không thuộc trách nhiệm của công ty cổ phần. Trường hợp do bàn giao thiếu, dẫn đến việc công ty cổ phần không chịu trách nhiệm kế thừa nghĩa vụ trả nợ của đơn vị SNCL thực hiện cổ phần hóa thì Giám đốc (hoặc Hiệu trưởng, Viện trưởng), Kế toán trưởng của đơn vị SNCL và các tổ chức, cá nhân có liên quan hoàn toàn chịu trách nhiệm thanh toán nợ.

Sau thời gian 60 ngày kể từ ngày ký Biên bản bàn giao, công ty cổ phần phải hoàn thành các hồ sơ về tài sản, đất đai và gửi đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định để thực hiện chuyển quyền quản lý, sử dụng tài sản từ đơn vị SNCL sang công ty cổ phần; thực hiện giao đất, nộp tiền sử dụng đất, cấp hoặc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

### **1. Hồ sơ bàn giao bao gồm**

a) Hồ sơ xác định giá trị và quyết định công bố giá trị đơn vị SNCL chuyển đổi.

b) Báo cáo tài chính tại thời điểm đơn vị chính thức chuyển thành công ty cổ phần đã được kiểm toán và phê duyệt của công ty mẹ tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước hoặc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với đơn vị trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

c) Quyết định xác định giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần của cơ quan có thẩm quyền.

d) Biên bản bàn giao tài sản, tiền vốn được lập tại thời điểm bàn giao (có bảng chi tiết công nợ bàn giao cho công ty cổ phần tiếp tục kế thừa và các tồn tại về tài chính cần tiếp tục xử lý - nếu có).

đ) Các báo cáo về tình hình lao động và sử dụng đất.

2. Thành phần bàn giao gồm

a) Đại diện chủ sở hữu hoặc công ty mẹ tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước; Giám đốc (hoặc Hiệu trưởng, Viện trưởng), Kế toán trưởng đơn vị SNCL thực hiện cổ phần hóa đại diện cho bên giao.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng và đại diện tổ chức công đoàn công ty cổ phần đại diện cho bên nhận.

3. Biên bản bàn giao phải có đầy đủ chữ ký của thành phần bàn giao và phải ghi rõ: Tình hình tài sản, tiền vốn, lao động có tại thời điểm bàn giao; quyền lợi và nghĩa vụ công ty cổ phần tiếp tục kế thừa; những tồn tại công ty cổ phần có trách nhiệm tiếp tục giải quyết.

## **Chương IV**

### **BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CHUYỂN ĐỔI ĐƠN VỊ SNCL**

#### **Điều 17. Xác định vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ**

1. Căn cứ kết quả công bố giá trị phần vốn nhà nước tại đơn vị SNCL chuyển đổi và kế hoạch sản xuất, kinh doanh của các năm sau khi chuyển thành công ty cổ phần, cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án chuyển đổi quyết định quy mô và cơ cấu vốn điều lệ như sau

a) Trường hợp giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại đơn vị chuyển đổi lớn hơn mức vốn điều lệ cần thiết cho hoạt động của đơn vị sau khi chuyển đổi thì cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án chuyển đổi xác định điều chỉnh vốn điều lệ theo nhu cầu thực tế. Phần chênh lệch giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước với mức vốn điều lệ xác định được nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại công ty mẹ tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước hoặc về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (đối với đơn vị trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

b) Trường hợp phát hành thêm cổ phiếu, vốn điều lệ được xác định bằng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và giá trị cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá cổ phiếu.

2. Trên cơ sở vốn điều lệ đã được xác định, cơ quan quyết định chuyển đổi căn cứ vào quy mô thực tế để quyết định cơ cấu vốn cổ phần lần đầu, bao gồm

a) Cổ phần nhà nước nắm giữ theo tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước được Thủ tướng Chính phủ công bố trong từng thời kỳ.

b) Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư khác không thấp hơn 20% vốn điều lệ. Số cổ phần bán cho nhà đầu tư khác không thấp hơn 50% số cổ phần nêu trên.

c) Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn tại đơn vị SNCL cổ phần hóa:

Công đoàn cơ sở được sử dụng nguồn quỹ công đoàn để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ và số cổ phần này không được chuyển nhượng; giá bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn bằng giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động quy định tại Khoản 1 Điều 21 Quyết định này.

d) Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong đơn vị SNCL thực hiện theo quy định tại Điều 21 Quyết định này.

## **Điều 18. Quản lý và sử dụng tiền thu từ chuyển đổi đơn vị SNCL**

### **1. Trường hợp bán phần vốn nhà nước**

a) Số tiền thu từ chuyển đổi, đơn vị được sử dụng để thanh toán chi phí chuyển đổi và chi phí giải quyết chính sách lao động dôi dư theo chế độ nhà nước quy định như đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển thành công ty cổ phần và quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Phần còn lại (bao gồm cả chênh lệch giá bán cổ phần) sau khi trừ các khoản chi nêu trên được nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại công ty mẹ tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước hoặc Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (đối với đơn vị trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

b) Trường hợp tiền thu từ chuyển đổi đơn vị không đủ giải quyết chính sách cho lao động dôi dư thì được bổ sung từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (đối với đơn vị trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) hoặc từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại công ty mẹ tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (đối với đơn vị trực thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước), trường hợp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại công ty mẹ tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thiếu thì được hỗ trợ từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

### **2. Trường hợp phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ**

a) Tiền thu từ chuyển đổi để lại đơn vị phần giá trị tương ứng với số cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá; phần thặng dư vốn (chênh lệch giữa tiền thu từ cổ phần hóa và tổng mệnh giá cổ phần phát hành thêm) được sử dụng để thanh toán chi phí chuyển đổi và giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư; nếu thiếu thì được bổ sung từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (đối với đơn vị trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) hoặc từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại công ty mẹ tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (đối với đơn vị trực thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước), trường hợp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại công ty mẹ tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thiếu thì được hỗ trợ từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

b) Số tiền còn lại (nếu có) để lại cho đơn vị theo tỷ lệ tương ứng với cổ phần phát hành thêm trong cơ cấu vốn điều lệ, phần còn lại (bao gồm cả chênh lệch giá bán cổ phần) sau khi trừ đi chi phí theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này được nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại công ty mẹ tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước hoặc Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (đối với đơn vị trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

### **3. Trường hợp bán phần vốn nhà nước kết hợp phát hành thêm**

a) Tiền thu từ chuyển đổi để lại đơn vị SNCL phần giá trị tương ứng với số cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá; phần thặng dư vốn được sử dụng để thanh toán chi phí chuyển đổi và giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư, nếu thiếu được xử lý như quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

b) Phần còn lại (nếu có) được xử lý như sau:

- Nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại công ty mẹ tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước hoặc Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (đối với đơn vị trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) phần giá trị cổ phần nhà nước bán bớt theo mệnh giá.

- Phần còn lại (nếu có) được phân chia theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

### **Điều 19. Cử người đại diện phần vốn nhà nước tại đơn vị SNCL chuyển đổi**

1. Hội đồng thành viên các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước là chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại đơn vị SNCL thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước sau khi chuyển thành công ty cổ phần.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại đơn vị SNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau khi chuyển thành công ty cổ phần.

3. Cơ quan là chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại đơn vị SNCL sau khi chuyển thành công ty cổ phần có trách nhiệm cử người làm đại diện phần vốn nhà nước. Người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước phải đảm bảo đủ các tiêu chuẩn như đối với quy định của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển thành công ty cổ phần.

## **Chương V**

### **CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SNCL CHUYỂN ĐỔI VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

#### **Điều 20. Chính sách ưu đãi cho đơn vị SNCL chuyển đổi**

1. Được miễn lệ phí trước bạ đối với việc chuyển những tài sản thuộc quyền quản lý và sử dụng của đơn vị SNCL thành sở hữu của công ty cổ phần.

2. Được miễn lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi chuyển đơn vị SNCL thành công ty cổ phần.

3. Được ký lại các hợp đồng thuê đất, thuê nhà cửa, vật kiến trúc của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về đất đai, tài sản.

4. Được duy trì và phát triển quỹ phúc lợi dưới dạng hiện vật như các công trình văn hóa, câu lạc bộ, bệnh xá, nhà điều dưỡng, nhà trẻ để đảm bảo phúc lợi cho người lao động trong công ty cổ phần.

5. Đối với đơn vị SNCL hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường khi chuyển sang công ty cổ phần vẫn được tiếp tục áp dụng các ưu đãi về hoạt động khoa học, công nghệ, chính sách khuyến khích xã hội hóa như đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này trước khi chuyển đổi.

#### **Điều 21. Chính sách ưu đãi cho người lao động trong đơn vị SNCL chuyển đổi**

1. Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của đơn vị SNCL tại thời điểm công bố giá trị được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước).

2. Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của đơn vị tại thời điểm công bố giá trị đơn vị SNCL chuyển đổi, thuộc đối tượng cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài ít nhất 03 năm (kể từ ngày đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm cổ phiếu theo quy định sau:

a) Mua thêm mức 200 cổ phiếu/01 năm cam kết làm việc tiếp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phiếu cho 01 người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và chủ đề tài nghiên cứu khoa học, bằng phát minh sáng chế đã được ứng dụng làm việc tại đơn vị SNCL có cam kết làm việc lâu dài ít nhất 05 năm (kể từ ngày đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm theo mức 800 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp nhưng tối đa không quá 8.000 cổ phần cho một người lao động. Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị SNCL chuyển đổi trực thuộc và thuộc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước xây dựng tiêu chí xác định chuyên gia giỏi, người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao phù hợp với đặc thù ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của đơn vị sự nghiệp; tiêu chí này phải được Đại hội công nhân viên chức của đơn vị trước khi chuyển đổi nhất trí thông qua.

b) Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm theo quy định tại Điểm a Khoản này được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước).

c) Số cổ phiếu ưu đãi được mua thêm của người lao động, các chuyên gia giỏi, người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và chủ đề tài nghiên cứu khoa học, bằng phát minh sáng chế đã được ứng dụng được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

Trường hợp chuyển đổi đơn vị SNCL dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Nếu người lao động có nhu cầu bán lại cho doanh nghiệp số cổ phần này thì công ty cổ phần có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết hoặc do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng (như chết, mất khả năng lao động...) thì công ty cổ phần thanh toán số tiền mà người lao động đã bỏ ra mua cổ phần sau khi trừ đi các phần lợi ích người lao động đã được hưởng từ số cổ phần mua ưu đãi. Công ty cổ phần được giữ lại số cổ phần trên để bán cho người lao động được tuyển dụng mới.

3. Được chia số dư bằng tiền của quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi bao gồm cả tài sản dùng cho hoạt động quy định tại Khoản 5, 6 Điều 8 Quyết định này để mua cổ phần.

4. Được tiếp tục tham gia và hưởng quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo quy định hiện hành khi chuyển sang công ty cổ phần.

5. Được hưởng chế độ hưu trí và các quyền lợi theo chế độ hiện hành nếu đã có đủ điều kiện tại thời điểm công bố giá trị đơn vị SNCL.

6. Người lao động dôi dư tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp được hưởng chính sách như đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

## **Chương VI**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 22. Quyền hạn và trách nhiệm trong tổ chức thực hiện chuyển đổi**

##### **1. Thủ tướng Chính phủ**

a) Phê duyệt danh mục chuyển đổi đơn vị SNCL trực thuộc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thành công ty cổ phần.

b) Phê duyệt danh mục và phương án chuyển đổi các đơn vị SNCL trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành công ty cổ phần theo tiêu chí phân loại của Thủ tướng Chính phủ.

c) Quyết định cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại đơn vị SNCL trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau khi chuyển thành công ty cổ phần theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Quyết định này.

2. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục đơn vị SNCL trực thuộc Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước theo đề nghị của Hội đồng thành viên Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

b) Rà soát, phân loại đơn vị SNCL trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đủ điều kiện chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Quyết định này; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục và phương án chuyển đổi, trong đó đề xuất cơ quan làm đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần.

c) Thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa đơn vị SNCL để triển khai công tác chuyển đổi theo quy định tại Quyết định này.

d) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình chuyển đổi đơn vị theo các nội dung quy định tại Quyết định này và các quy định của nhà nước.

đ) Chỉ đạo các đơn vị SNCL trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xử lý các vấn đề tài chính, tổ chức xác định giá trị đơn vị, lập phương án chuyển đổi, triển khai phương án đã được phê duyệt; công bố giá trị đơn vị SNCL chuyển đổi.

e) Quyết định công bố giá trị đơn vị SNCL và phê duyệt phương án chuyển đổi đối với đơn vị SNCL trực thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

g) Xử lý các tồn tại về tài chính của đơn vị SNCL theo thẩm quyền.

h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định và phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán chi phí chuyển đổi; quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ chuyển đổi và công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm đơn vị SNCL được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

i) Giải quyết những vướng mắc, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đơn vị SNCL chuyển đổi theo thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.

k) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng tiêu chí phân loại đơn vị SNCL trình Thủ tướng Chính phủ trong quý III năm 2015.

l) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện quy định tại Quyết định này có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mình.

3. Hội đồng thành viên công ty mẹ tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước

a) Rà soát các đơn vị SNCL đủ điều kiện quy định tại Điều 2 Khoản 1 Quyết định này thành công ty cổ phần, báo cáo Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ



trường cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục chuyển đổi.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình chuyển đổi của đơn vị SNCL theo các nội dung quy định.

c) Chỉ đạo các đơn vị SNCL: Xử lý các vấn đề tài chính, tổ chức xác định giá trị đơn vị, lập phương án chuyển đổi, triển khai phương án đã được phê duyệt.

d) Xử lý các tồn tại về tài chính của đơn vị SNCL theo thẩm quyền.

đ) Trình Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định công bố giá trị đơn vị SNCL và phê duyệt phương án chuyển đổi.

e) Chỉ đạo các đơn vị SNCL thực hiện quyết toán tài chính, quyết toán chi phí chuyển đổi, quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa và xác định giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm đơn vị SNCL được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu để trình Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thẩm định và phê duyệt.

#### 4. Quyền hạn, trách nhiệm và thành phần Ban Chỉ đạo chuyển đổi

a) Ban Chỉ đạo chuyển đổi có quyền hạn, trách nhiệm sau:

- Giúp cơ quan quyết định chuyển đổi chỉ đạo và tổ chức thực hiện chuyển đổi đơn vị SNCL thành công ty cổ phần theo quy định tại Quyết định này.

- Được sử dụng con dấu của cơ quan có thẩm quyền trong khi thực hiện nhiệm vụ.

- Thành lập Tổ giúp việc triển khai công tác chuyển đổi tại đơn vị SNCL.

- Chỉ đạo xây dựng phương án chuyển đổi và dự thảo Điều lệ lần đầu của công ty cổ phần.

- Chỉ đạo đơn vị SNCL chuyển đổi:

+ Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu pháp lý về tài sản của đơn vị (bao gồm cả nhà cửa, đất đai); phương án sử dụng đất sau chuyển đổi; kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

+ Xây dựng kế hoạch tiến độ chuyển đổi (bao gồm cả mốc thời gian cho từng bước công việc) trình cơ quan quyết định chuyển đổi phê duyệt để thực hiện. Trường hợp không thực hiện được tiến độ chuyển đổi thì Ban lãnh đạo đơn vị được xác định là không hoàn thành nhiệm vụ.

- Thẩm tra và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định công bố giá trị đơn vị SNCL, quyết định phê duyệt phương án chuyển đổi.

- Chỉ đạo đơn vị chuyển đổi phối hợp với các tổ chức tài chính trung gian tổ chức đấu giá bán cổ phần.

- Tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền kết quả bán cổ phần.

- Tổng hợp và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh phương án chuyển đổi, quyết định điều chỉnh giá trị đơn vị SNCL sau khi chuyển thành công ty cổ phần.

- Xem xét, lựa chọn, đề xuất và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền cử người đại diện phần vốn nhà nước góp tại đơn vị SNCL sau chuyển đổi.

- Trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án sử dụng lao động (trong phương án chuyển đổi) sau khi có quyết định công bố giá trị đơn vị SNCL.

b) Thành phần Ban Chỉ đạo chuyển đổi đơn vị SNCL do Bộ trưởng các Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định, trong đó có đại diện công ty mẹ tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (đối với đơn vị trực thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước).

### **Điều 23. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2015.

2. Đơn vị SNCL trực thuộc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ khi cổ phần hóa được áp dụng theo quy định tại Quyết định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và Giám đốc, Hiệu trưởng, Viện trưởng đơn vị SNCL chuyển đổi có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quyết định này./.

**THỦ TƯỚNG**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Tấn Dũng**